

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HS - ST

Ngày 22 -7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Quang Hưng và bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 7 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo: **Lâm Quang T**, sinh năm 1964 tại thành phố N.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: phố H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: số I, đại lộ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Trần T1 và con bà Mai Thị L (đều đã chết); Vợ: Đặng Thị H (L1) - đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ và 1995.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: từ tháng 3/1983 đến tháng 11/1986 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn E, Quân khu C1.

Bố mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2000 đến ngày 19/12/2000 bỏ trốn khi đang bị áp giải theo Lệnh tạm giữ số 01 ngày 06/12/2000 của Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Lệnh tạm giam bị can số 74 ngày 06/12/2000 của công an tỉnh T.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lâm Quang T ông Phạm Hữu G – Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L2 và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: số C, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

2. Bị hại: ông Tô Duy C, sinh năm 1966 (đã chết)

3. Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Tô Duy C:

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 (là vợ ông C)

- Chị Tô Thùy L3, sinh năm 1997 (là con ông C)

- Chị Tô Ngọc A, sinh năm 2004 (là con ông C)

Đều có địa chỉ tại: số nhà A T, tổ I, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình

+ Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị P, (có mặt).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Bà Đặng Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ A, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, (vắng mặt).

- Cháu Tô Thanh H1, sinh năm 2007 (là con ông C)

+ Người đại diện hợp pháp của cháu Tô Thanh H1: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968. Địa chỉ: số nhà A T, tổ I, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

5. Người làm chứng:

- Ông Lê Duyên D, sinh năm 1959. Địa chỉ: tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

- Ông Vũ Việt P1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1991 T kết hôn cùng Đặng Thị H, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú tại tổ B, phường Q, thị xã T (nay là thành phố T) thuê nhà ở tại khu tập thể xây dựng, tổ B phường Q (nay là tổ D, đường H, phường Q, thành phố T) để sinh sống. Khoảng tháng 8 năm 1993 T đi làm ăn ở miền N nên thường xuyên vắng nhà, T biết H quan hệ với ông Tô Duy C (là người yêu cũ của H). C thường xuyên đến nhà H chơi và nhiều lần ngủ lại qua đêm khi Thanh vắng nhà. T biết được sự việc và H cũng thừa nhận với T việc có quan hệ tình cảm với ông C nên T bức tức, nảy sinh ý định trả thù. T yêu cầu H phải tát a xít vào mặt, người ông C để chứng tỏ H không còn tình cảm với ông C rồi T và H sẽ trốn đi cùng nhau, nếu không thì H và ông C phải chịu

chung số phận.

Chiều ngày 25/9/1993, H hẹn gặp ông C ở khu vực chợ B1 thuộc phường B, thành phố T, H nói: tôi đến nhà em bảo cái này. Sau đó H đến khu vực cầu Phúc Khánh mua 0,5 lít a xít đựng trong vỏ chai bia màu xanh mang về nhà, đổ ra ca nhựa để dưới gầm bàn uống nước của gia đình. Khoảng 22 giờ cùng ngày, ông C đi xe đạp đến nhà H, dắt xe vào nhà rồi ra đóng cửa lại và bảo H đi ngủ, lúc này T không ở trong nhà mà chờ ở ngoài. Ông C và H ngồi âu yếm nhau ở giường, ông C cởi trần mặc quần đùi, sau đó ông C bảo H rót cho cốc nước. H đi đến bàn uống nước cầm ca đựng a xít tạt thẳng vào mặt ông C rồi bỏ chạy ra khỏi nhà. Ông C đuổi theo ra cửa, sau đó quay lại lấy xe đạp để đi về nhưng bị T chặn lại không cho đi. T cầm 01 con dao nhọn bằng kim loại đâm liên tiếp vào tay, vùng lưng và cổ, mặt ông C. Ông C vút xe đạp chạy về phía ruộng rau muống thì bị ngã và hô: bà con ơi cứu tôi với, nó cướp. Lúc đó có bà Phạm Thị L4, sinh năm 1963, trú tại số nhà A, ngõ H, tổ D, phường Q, thị xã T; ông Phạm Khắc N, 47 tuổi, trú tại số nhà F tổ B, phường Q, thị xã T và ông Phạm Văn B, 43 tuổi, trú tại Khu tập thể Công ty X chạy ra can ngăn. T vẫn túm tóc, lôi ông C vào trong nhà, tiếp tục đâm đá, dùng ngón trỏ phải móc vào mắt trái ông C. T yêu cầu lập biên bản về việc ông C cưỡng dâm H, ông N là người viết biên bản, sau khi ông N viết xong, ông C ký vào biên bản T mới để mọi người đưa ông C đi cấp cứu. Ngay lúc đó bà L4 gọi xe ôm đưa ông C đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T và chuyển V, V1 và Bệnh viện A1 cấp cứu và điều trị.

Ngay sau khi phạm tội, Đặng Thị H, Lâm Quang T bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 28/09/1993, Công an thị xã T ra Quyết định truy nã với Lâm Quang T và Đặng Thị H. Ngày 27/7/2000, Đặng Thị H bị bắt tại thị xã L, tỉnh Lào Cai và bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 191/HSST ngày 21/12/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và Bản án hình sự phúc thẩm số 384 ngày 21/3/2001 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội- Tòa án nhân dân tối cao, tuyên phạt H 09 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Đối với Lâm Quang T sau khi bỏ trốn bị Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2000 để làm thủ tục bàn giao cho Công an tỉnh T. Thực hiện Kế hoạch dẫn giải bị can, ngày 17/12/2000, tổ công tác Công an tỉnh T phân công ông Vũ Việt P1 - Điều tra viên được phân công thụ lý, giải quyết vụ án và ông Lê Duyên D - lái xe ô tô đã tiến hành dẫn giải bị can T từ tỉnh Đắk Lắk về tỉnh Thái Bình. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/12/2000, khi xe ô tô dẫn giải bị can T về đến khu vực đường A, thuộc xã L, thành phố N (gần cầu T), T xin đi vệ sinh, ông P1 đồng ý, ông D lái xe ô tô dừng sát mé đường bên phải giáp bờ đê, lúc này hai tay T vẫn bị khóa ở phía trước bằng khóa số 8. Ông P1 dẫn T xuống xe, đứng cách T khoảng 01m để canh gác, T bất ngờ bỏ chạy sang bên trái đường quốc lộ 10 theo hướng về Thái Bình rồi chạy về phía khu vực nhà dân cạnh

đường, chạy phía cánh đồng (khu vực nghĩa trang nơi có nhiều bụi cây). Ông P1 hô hoán rồi cùng ông D đuổi theo T, thông báo cho lực lượng Công an tại địa phương phối hợp truy bắt nhưng không bắt được. T sau khi chạy thoát khỏi tổ công tác dẫn giải đã tự tháo còng số 8 tiếp tục bỏ trốn xin đi nhờ xe vào miền N, sống lang thang để trốn tránh sự truy nã. T khai báo với chính quyền địa phương nơi ở phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương là bị mất giấy tờ và đổi họ tên thành Trần Lâm T2. Ngày 21/01/2024, T bị bắt theo Quyết định truy nã khi đang ở trọ tại nhà số I phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Về thương tích của ông C: Ông C bị thương tích nhiều nơi trên cơ thể, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T và chuyển V, V1 và Bệnh viện A1 từ ngày 26/9/1993 đến ngày 18/11/1993. Sau đó, từ ngày 24/02/1994 đến ngày 03/10/2000, ông C đã nhập viện 23 lần tại V và V1 để khám và điều trị liên quan đến di chứng bỏng a xít. Ông C chết ngày 09/7/2017.

Tại Giấy khám nghiệm pháp y số 307/2000 ngày 10/10/2000 Hội đồng pháp y- Sở Y giám định thương tích đối với Tô Duy C, nội dung: Anh Tô Duy C bị đổ Acide vào đầu, mặt- người từ ngày 25/9/1993. Sau khi được cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T rồi chuyển V, V1 và Bệnh viện A1 điều trị (có bệnh án sao và tóm tắt bệnh án các nơi điều trị) hiện tại tỉnh, tiếp xúc tốt.

- Thương tích:

1. Mắt trái, phải, tai trái, trong vai trái, lưng trái, phải, ngực, bụng, mặt trước cánh tay trái, mặt trước cánh tay phải, cẳng tay phải, mặt trước đùi phải, phía dưới mặt trước đùi trái là sẹo lồi do bỏng acide;

2. Phía sau dưới cổ phải có vết rách da và tổ chức dưới da đã khâu liền sẹo dài 06 cm; 1/3 trên mặt sau trong cẳng tay trái rách da và tổ chức dưới da đã khâu liền sẹo dài 5,5cm. Ngoài các thương tích trên không còn thương tích nào khác.

- Dấu hiệu chủ quan: Ngứa vùng sẹo, mắt phải mờ, khó thở bằng đường mũi; Tai trái mất hết sụn vành tai, mắt trái mi trên và mi dưới dính chặt với nhau chưa tách ra được; mắt phải mờ, L5 mũi trái bít kín, lỗ mũi phải dính, chít hẹp. Cổ xoay sang trái được, xoay sang phải hạn chế, cúi gập cổ làm được, ngửa cổ hạn chế. Tay vận động được. Cho khám mắt kết quả thị lực mắt phải đếm ngón tay 01m, sẹo, giác mạc dính móng mắt. Đã mổ Gloucome cắt móng mắt toàn bộ ở 11 giờ. Thủy tinh thể đục, tiến triển. Đáy mắt không xem rõ chi tiết.

Kết luận: Bỏng acide: đầu mặt, cổ, ngực, bụng, tay, chân. Mất sụn vành tai trái, lỗ tai bít chặt. Dính 2 mi mắt trái, bít chặt lỗ mũi trái. Mắt phải sẹo giác mạc, thị lực đếm ngón tay. Hạn chế vận động của cổ. Tỷ lệ thương tích 72%.

Người làm chứng bà Phạm Thị L4 khai: khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/9/1993 bà đang ở nhà thì nghe tiếng kêu bà con ơi cứu tôi với nó tạt a xít, bà chạy ra ngoài thì thấy ông C đang dắt xe đạp, T (chồng H) hô đứng lại, T lấy dao đâm

vào lưng, tay C, đâm nhiều cái. C vứt xe đạp chạy ngược lại vườn rau muống nhà chị K và hô cướp, T hô “anh B ơi”, ông B nhà bên cạnh chạy ra, C nằm trước cửa nhà bà, mọi người xin T không đánh nữa. T cầm tóc lôi C vào trong giường nhà T, dùng tay móc mắt, đâm đá C, nhiều người can ngăn, sau đó T bắt C nhận cưỡng dâm H, ký vào biên bản do ông N1 lập, rồi bà đưa C đi viện.

Người làm chứng ông Phạm Văn B khai: khoảng 23 giờ ngày 25/9/1993 ông đang ngủ ở nhà thì nghe tiếng kêu của T “anh B ơi”, thấy vậy ông cầm đèn pin đi ra, ông thấy rất đông người và có một người thanh niên mặt chảy máu nằm ở bờ muống trước cửa nhà T. Sau đó mọi người kéo người này vào nhà T, T tiếp tục đánh người này, ông bảo người ta thế này sao lại còn đánh, ông thấy tay phải người này quần vải, đùi có máu, phía sau lưng có vết đâm, một tay che mắt phải. Do ông thấy không phải người trong xóm nên ông ra ngay, còn ông N1 lập biên bản như thế nào ông không rõ.

Người làm chứng ông Phạm Khắc N2 khai: khoảng 22 giờ 35 phút ngày 25/9/1993 ông đang ở nhà thì nghe tiếng kêu “cướp, cướp nó giết tôi rồi”, ông đi vào trong khu tập thể xây dựng thì thấy trước cửa nhà T có 01 chiếc xe đạp và 01 chiếc áo sơ mi rơi dưới đất có nhiều máu. Trong nhà T, C tay bịt mắt nói “thôi chết tôi bị mất mắt rồi”, người C đầy máu, ông có ngăn không cho T đánh C nhưng T nói sẽ giết C. Sau đó ông là người lập biên bản về việc C cưỡng dâm H, C nói viết như nào cũng được để cho C đi bệnh viện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 191/HSST ngày 21/12/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và Bản án hình sự phúc thẩm số 384 ngày 21/3/2001 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội- Tòa án nhân dân tối cao, tuyên phạt Đặng Thị H 09 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Tô Duy C số tiền 40.000.000 đồng, trừ 3.000.000 đồng đã bồi thường ngày 18/01/1995, còn phải bồi thường 37.000.000 đồng (sau này bắt được T, H có quyền yêu cầu Thanh hoàn lại theo kỹ phần). Xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình: đối với số tiền H chưa bồi thường 37.000.000 đồng cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu Thi hành án nên Cơ quan thi hành án không thụ lý, giải quyết

Bản Cáo trạng số 32/CT-VKSTB ngày 10 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Lâm Quang T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 và tội “Trốn khi đang bị áp giải” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: bị cáo cho rằng không bàn bạc với H về việc tạt a xít vào người ông C, cũng không biết ai là người mua và tạt a xít; đêm ngày 25/9/1993 bị cáo đi từ trong S ra về đến nhà thì thấy C từ trong nhà bị cáo chạy ra hô “cướp” nên bị cáo

đã dùng chiếc tay phanh xe đạp thông nhất đâm vào người, mặt và vùng mắt của ông C mà không phải dùng dao gây thương tích cho ông C và dùng ngón tay móc mắt ông C. Đối với hành vi trốn khi đang bị áp giải bị cáo thừa nhận như bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lâm Quang T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Trốn khi đang bị áp giải”.

Về hình phạt: áp dụng khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS 2015 xử phạt bị cáo từ 11-13 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015 xử phạt bị cáo từ 18 tháng- 24 tháng tù về tội “Trốn khi đang bị áp giải”.

Áp dụng Điều 55 BLHS 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 12 năm 06 tháng tù đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đã tự thỏa thuận bồi thường xong, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo: nhất trí với tội danh và điều luật VKS đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất VKS đề nghị.

Bị cáo tranh luận: không biết việc H- vợ bị cáo có quan hệ với C từ trước nên không bàn bạc gì với H về việc tạt a xít. Việc bị cáo bỏ trốn là do lúc đó thương hai con còn nhỏ, không có người chăm sóc. Về trách nhiệm dân sự, đã bồi thường xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết.

Trong lời nói sau cùng: bị cáo xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cố ý gây thương tích: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cho rằng chỉ dùng chiếc tay phanh xe đạp thống nhất của T đâm vào người, mặt và vùng mắt của ông C, không bàn bạc với H cũng không biết ai là người tạt a xít vào người C. Song căn cứ vào lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H (vợ T); lời khai của những người làm chứng tại thời điểm xảy ra sự việc ngày 25/9/1993 là bà Phạm Thị L4, ông Phạm Khắc N, ông Phạm Văn B được thu thập trong hồ sơ vụ án xét xử đối với Đặng Thị H và Giấy khám nghiệm pháp y số 307/2000 ngày 10/10/2000 Hội đồng pháp y- Sở Y đối với thương tích của bị hại, có đủ cơ sở kết luận bị cáo là người nảy sinh ý định và ép H mua a xít để tạt vào người ông C, bị cáo dùng tay móc mắt, dùng dao đâm ông C.

[3] Về hành vi trốn khi đang bị áp giải: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Vũ Việt P1- Điều tra viên được phân công thụ lý, giải quyết vụ án và ông Lê Duyên D - lái xe ô tô dẫn giải bị cáo; Biên bản về việc bị can Lâm Quang T bỏ trốn trên đường dẫn giải do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 19/12/2000 tại tổ E, xã L, thành phố N.

[4] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: do biết vợ là Đặng Thị H có quan hệ tình cảm và qua lại với bị hại nên T bức tức và nảy sinh ý định trả thù. Bị cáo yêu cầu H đi mua a xít để tạt vào người ông C sau đó cả hai bỏ trốn, H làm theo yêu cầu của bị cáo. Khoảng 22 giờ ngày 25/9/1993, tại nhà trọ của vợ chồng T ở khu tập thể xây dựng, tổ B phường Q, thị xã T (nay là tổ D, đường H, phường Q, thành phố T), H đã dùng ca a-xít hắt vào mặt ông C, khi ông C bỏ chạy, T đứng chờ ở ngoài dùng 01 con dao bằng kim loại đâm vào tay, cổ, mặt, lưng ông C và dùng ngón tay móc vào mắt trái ông C. Hậu quả ông C bị thương tích và bỏng a-xít, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 72%.

Theo Nghị quyết số 04/ HĐTPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 tại Mục 7 Chương 2 hướng dẫn các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người xác định: tỷ lệ thương tích từ 61% trở lên là thương tích rất nặng hoặc tổn hại rất nặng đến sức khỏe. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Sau khi gây án, Lâm Quang T bỏ trốn khỏi địa phương, bị truy nã, khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/12/2000, trên đường C cảnh sát điều tra Công an tỉnh T dẫn giải T từ tỉnh Đắc Lắc về tỉnh Thái Bình, T đã bỏ trốn tại khu vực đường 10 thuộc địa phận xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Do vậy hành vi này của T đã phạm vào tội “Trốn khi đang bị áp giải” theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999.

So sánh khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 (mức hình phạt từ 5 năm - 20 năm) và khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (mức hình phạt từ 07 năm - 14 năm) thấy hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 nhẹ hơn hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

So sánh khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999 (mức hình phạt từ 06 tháng đến 05 năm) và khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 (mức hình phạt 06 tháng đến 03 năm) thấy hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, cần áp dụng khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 và khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với các hành vi nêu trên của bị cáo.

Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác.

1- Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác;

b) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

c) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

3- Phạm tội gây cố tật nặng dẫn đến chết người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm.

.....

Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử

1. Người nào đang bị tạm giữ, tạm giam, áp giải, xét xử hoặc chấp hành án phạt tù mà bỏ trốn, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....

[5] Đối với hành vi cố ý gây thương tích cho ông C: bị cáo là người khởi xướng, chủ mưu đồng thời là người thực hành tích cực. Đặng Thị H là người đi mua a xít, dùng a xít tạt vào người ông C. T trực tiếp dùng dao nhọn đâm nhiều nhát vào tay, cổ, lưng, mặt; dùng tay móc vào mắt ông C. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây đau đớn về thể chất, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của ông C, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, bị bắt theo lệnh truy nã, trên đường bị áp giải T bỏ trốn, hành vi này của bị cáo đã xâm phạm hoạt động bình thường của các cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

[6] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: đối với hai tội bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ là bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội, bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tội “ cố ý gây thương tích” bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tội “trốn khi đang bị áp giải” bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: các bên đã tự thỏa thuận bồi thường xong, không ai yêu cầu giải quyết gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Lâm Quang T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Trốn khi đang bị áp giải” .

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 3 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lâm Quang T 13 (mười ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lâm Quang T 02 (hai) năm tù về tội “Trốn khi đang bị áp giải”.

2.3 Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2024, (được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2000 đến ngày 19/12/2000).

3. Về trách nhiệm dân sự: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/7/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; đại diện hợp pháp bị hại;
- Người lq;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ